

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa

BẢNG CHỮ CÁI PĀḲI

1- Nguyên âm:

a, ā, i, ī, u, ū, e, o

Gồm 2 loại: + Trường âm (gồm 5 chữ cái):

ā, ī, ū, e, o

+ Đoản âm (gồm 3 chữ cái): **a, i, u**

2- Phụ âm:

Phụ âm chia thành 2 nhóm:

+ Phân nhóm (gồm 25 ký tự)

Nhóm	1	2	3	4	5
Nhóm ka	ka	kha	ga	gha	ṅ
Nhóm ca	ca	cha	ja	jha	ṅa
Nhóm ṭa	ṭa	ṭha	ḍa	ḍha	ṇa
Nhóm ta	ta	tha	da	dha	na
Nhóm pa	pa	pha	ba	bha	ma

+ Không phân nhóm (gồm 8 ký tự):

ya, ra, la, va, sa, ha, ḷa, ṃ

LỜI GIỚI THIỆU

“**Paritta**” nghĩa là khi có sự nguy hiểm tại họa đang xảy ra thì sẽ hộ trì, bảo vệ làm cho nó chóng tiêu tan; và hộ trì, ngăn ngừa không cho phát sinh lên những sự nguy hiểm tại họa sẽ xảy ra. Với ý nghĩa đó nên gọi những bài kinh Paritta là “những bài Kinh Hộ Trì”. Tuy vậy, khi nào nghe, tụng Paritta đều làm tiêu tan và ngăn ngừa được sự nguy hiểm và tai họa hay sao? Do đó:

“Kammaṃ ceva kilesa ca, asaddahanā cātīme;

Sace atthi suṇantamhi, parittam taṃ na rakkhati.”

- 1- Nếu người nào phạm ngũ nghịch đại tội như: giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh Á-rá-hán, làm thân Phật chảy máu và chia rẽ Tăng thì kinh Paritta không hộ trì, bảo vệ người ấy.
- 2- Hoặc nếu người nào tuy nghe kinh Paritta nhưng lại có tà kiến cố định: không tin nhân quả, không tin kiếp trước kiếp sau, tin rằng chết rồi là hết, không tin sinh tử luân hồi... thì kinh Paritta cũng không hộ trì, bảo vệ người ấy.
- 3- Và ngoài ra, đành rằng nghe thì có nghe kinh Paritta nhiều, nhưng không tin vào năng lực của kinh Paritta, nên kinh Paritta cũng không hộ trì, bảo vệ người nghe ấy.

(Pāthika-aṭṭhakathā Āṭānāṭṭiyasutta, trang 149 Pāḷi)

Vì vậy, để sự nghe kinh Paritta có năng lực hộ trì và ngăn ngừa những sự sợ hãi, tại họa, nguy hiểm, thì đối với người nghe kinh Paritta phải không phạm vào ngũ nghịch đại tội, không có tà kiến cố định mà có chánh kiến về nghiệp và quả của nghiệp và nhất là tin tưởng vào năng lực của kinh Paritta. Đó là 3 nguyên nhân chính để

người nghe kinh Paritta có hiệu nghiệm, nghĩa là thành tựu được nguyện vọng mong ước của mình khi nghe kinh Paritta của Đức Phật.

Đối với người tụng kinh Paritta thì:

“Pālikkham anāsetvā, attham jāniya sādhumkam;
Anuddayam karitvāna, bhaṇe parittamuttamam.”

- 1- Phải biết đọc, ngắt đúng và rõ ràng từng từ, từng chữ, từng câu Pāli.
- 2- Phải có sự hiểu biết nhất định về ý nghĩa của bài kinh, bài kệ, hoặc câu kinh, câu kệ mà mình đang tụng đọc.
- 3- Phải biết đặt để, tác ý hướng tâm bi – thương xót (karuṇā), tâm từ – mong muốn sự lợi ích (mettā) lên trên, đến người đang nghe kinh Paritta.

(Milindapañhā, trang 155 Pāli)

Như vậy, đối với người đọc tụng cũng như đối với người nghe phải có đầy đủ các nguyên nhân, các yếu tố trên. Đối với người đọc tụng phải có đủ 3 nguyên nhân và người nghe cũng có đầy đủ 3 nguyên nhân, thì kinh Paritta này mới có thể hộ trì bảo vệ tùy theo những điều tai họa nguy hiểm đang và sẽ xảy ra. Trong giáo pháp của đức Phật trong mỗi chúng sinh nói chung và loài người nói riêng thường có 2 sự tai họa, điều nguy hiểm. Sự tai họa, điều nguy hại thứ nhất đó là những điều kiện khách quan đến từ bên ngoài như thời tiết, môi trường, xã hội, bệnh tật, con người... Sự tai họa, điều nguy hại thứ hai đó là những điều chủ quan bên trong chúng ta đó là tham, sân, si, ngã mạn, ích kỷ, đố kỵ... Đức Phật thường dạy, trong hai sự tai họa, điều nguy hiểm ấy, sự tai họa, điều nguy hiểm khách quan

đến từ bên ngoài, nếu có làm hại, thì tối đa cũng chỉ lại hại chúng ta trong 1 kiếp. Trong khi sự tai họa, điều nguy hiểm thứ hai chủ quan bên trong tâm sẽ làm hại chúng ta suốt nhiều kiếp trong sinh tử luân hồi. Các bài kinh Paritta này có thể không ngăn ngừa được hoàn toàn những sự tai họa, điều nguy hiểm khách quan bên ngoài, nhưng có điều chắc chắn những ai thường nghe, hoặc đọc tụng những điều này sẽ ngăn ngừa, hộ trì được hoàn toàn những sự tai họa, điều nguy hiểm bên trong tâm mình.

Vì vậy, khi đọc tụng kinh Paritta người đọc tụng ngoài phải có năng lực đọc rõ 4ang từng từ, từng chữ, từng câu và hiểu ý nghĩa của bài kinh, bài kệ, câu kinh, câu kệ ra, còn phải có tâm bi, tâm từ thương xót, tế độ đến người nghe kinh.

Khi nghe kinh cũng vậy, người nghe ngoài điều không phạm các lỗi lầm lớn và có chánh kiến ra, còn phải có sự tin tưởng vững chắc nơi năng lực của các bài kinh Paritta. Nếu được như vậy thì kinh Paritta này sẽ hộ trì bảo vệ chúng ta trong tất cả mọi thời gian, mọi nơi chốn.

(Phỏng theo Payeikgyi... của Ngài Sayadaw
Janakābhivaṃsa)

Với tâm từ.

Sư Hộ Giới

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDHASSA

PHẬN SỰ HẰNG NGÀY CỦA NGƯỜI CON PHẬT

ĐÁNH LỄ TAM BẢO

Buddham pūjemi. (Lạy)

Con xin thành kính đánh lễ cúng dường Đức Phật.

Dhammam pūjemi. (Lạy)

Con xin thành kính đánh lễ cúng dường Đức Pháp.

Samgham pūjemi. (Lạy)

Con xin thành kính đánh lễ cúng dường Đức Tăng.

LỜI SÁM HỐI

Okāsa Okāsa Okāsa!

Kāyakamma vācīkamma manokamma sabbadosa, vì mong muốn tránh khỏi, tất cả những lỗi lầm, do thân nghiệp hành động, do khẩu nghiệp nói năng, do ý nghiệp suy nghĩ, đã phạm đến Tam Bảo: Đức Phật Bảo cao thượng, Đức Pháp Bảo cao thượng, Đức Tăng Bảo cao thượng; đến cha mẹ, thầy tổ.... Buddharatana, Dhammaratana, Samgharatana, con thành kính đánh lễ, ngôi Tam Bảo cao thượng, cùng cha mẹ thầy tổ, lần thứ nhì - thứ ba. Xin năm bậc ân đức, cao thượng không gì bằng, nhận biết sự sám hối, những lỗi lầm của con.

Do thành tâm sám hối, với đức tin trong sạch, thiện tâm hợp trí tuệ, cầu mong con tránh khỏi: Sinh trong 4 cõi khổ, tránh khỏi 3 nạn tai, 8 trường hợp bất lợi, 5 kẻ thù phá hoại, 4 cảnh không hợp thời, 5 bất hạnh kiếp người, trong tất cả mọi thời, mọi kiếp sống luân hồi, khi đã tránh khỏi rồi, mong con sớm chứng ngộ: chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Tứ Thánh Đạo, Tứ Thánh Quả - Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt tham ái, giải thoát khổ tử sinh, luân hồi trong tam giới.

XIN THỌ PHÉP QUY Y TAM BẢO VÀ NGŨ GIỚI

Ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha, pañcasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.

Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha, pañcasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.

Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha, pañcasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.

(Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadehi).

(Āma Bhante).

Namo tassa Bhagavato Arahatō Sammāsambuddhassa. (3 lần)

THỌ PHÉP QUY Y TAM BẢO

Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Samghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi Buddham saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatīyampi Buddham saraṇaṃ gacchāmi.

Tatīyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatīyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

(Tisaraṇagamanam paripuṇṇam).

(Āma Bhante).

THỌ TRÌ NGŨ GIỚI

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

3- Kāmesumicchācārā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

5- Surāmerayamajjappamādatṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

(Tisaraṇena saha pañcasīlaṃ dhammaṃ sādhukaṃ katvā appamādena sampādettha).

(Āma Bhante).

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa (3 lần)

ĐÁNH LỄ ÂN ĐỨC TAM BẢO

*Itipi so Bhagavā Arahaṃ, Sammāsambuddho,
Vijjācaraṇasampanno, Sugato, Lokavidū,
Anuttaro Purisadammasārathi,
Satthā devamanussānaṃ, Buddho, Bhagavā.
Evaṃ navahi guṇehi, lokamhi kittibyāpitaṃ;
Atulaṃ dhammarājānaṃ, vandāmi tīhi sādaraṃ. (Lạy)*

*Svākkhāto Bhagavatā Dhammo,
Sandiṭṭhiko, Akāliko, Ehipassiko,
Opaneyyiko, Paccattaṃ veditabbo viññūhi.
Iccevaṃ chahi guṇehi, pākaṭaṃ jinapūjitaṃ;
Sampattidāyakaṃ dhammaṃ, vandāmi tīhi sādaraṃ. (Lạy)*

*Suppaṭipanno Bhagavato Sāvakaṃgho,
Ujuppaṭipanno Bhagavato Sāvakaṃgho,
Ñāyappaṭipanno Bhagavato Sāvakaṃgho,
Sāmīcippaṭipanno Bhagavato Sāvakaṃgho,
Yadidaṃ cattāri purisayugāni, atṭha purisapuggalā.
Esa Bhagavato Sāvakaṃgho,
Āhuneyyo, Pāhuneyyo, Dakkhineyyo,
Añjalikaraṇīyo, Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa.
Evaṃ navahi guṇehi, lokamhi vissutaṃ gaṇaṃ;
Sāsanaṃ ciradhātānaṃ, vandāmi tīhi sādaraṃ. (Lạy)*

KINH TỤNG

THỈNH CHƯ THIÊN

*Samantā cakkavāḷesu, atrāgacchantu devatā;
Saddhammaṃ munirājassa, suṇantu saggamokkhadaṃ.
Dhammassavanakālo ayam bhaddantā. (3 lần)*

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. (3 lần)

METTĀSUTTA

*Yassānubhāvato yakkhā, neva dassenti bhīsanam;
Yañhi cevānuyuñjanto, rattindiva matandito.
Sukham supati sutto ca, pāpaṃ kiñci na passati;
Evamādiguṇūpetam, parittam taṃ bhaṇāma he.*

- 1- *Karaṇīya matthakusalena, yanta santam padaṃ abhisamecca;
Sakko ujū ca suhujū ca, suvaco cassa mudu anatimāni.*
- 2- *Santussako ca subharo ca, appakicco ca sallahukavutti;
Santindriyo ca nipako ca, appagabbho kulesvananugiddho.*
- 3- *Na ca khudda mācare kiñci, yena viññū pare upavadeyyum;
Sukhino va khemino hontu, sabbasattā bhavantu sukhitattā.*
- 4- *Ye keci pāṇabhūtatti, tasā vā thāvarā va navasesā;
Dīghā vā ye va mahantā, majjhimā rassakā aṇukathulā.*
- 5- *Diṭṭhā vā ye va adiṭṭhā, ye va dūre vasanti avidūre;
Bhūtā va sambhavesī va, sabbasattā bhavantu sukhitattā.*

- 6- *Na paro paraṃ nikubbetha, nātimāññetha katthaci na kiñci;
Byārosanā paṭighasañña, nāññamaññassa dukkha miccheyya.*
- 7- *Mātā yathā niyaṃ putta, māyusā ekaputta manurakkhe;
Evampi sabbabhūtesu, mānasam bhāvaye aparimāṇam.*
- 8- *Mettañca sabbalokasmiṃ, mānasam bhāvaye aparimāṇam;
Uddham adho ca tiriyañca, asambādham avera masapattam.*
- 9- *Tiṭṭham caraṃ nisinno va, sayāno yāvatāssa vitamiddho;
Etaṃ satim adhiṭṭheyya, brahmametam vihāramidha māhu.*
- 10- *Diṭṭhiñca anupaggamma, sīlavā dassanena sampanno;
Kāmesu vineyya gedham, na hi jātuggabbhaseyya puna reti.*

Mettāsuttam niṭṭhitam.

NIỆM ÂN ĐỨC TAM BẢO

*Itipi so Bhagavā Araham, Sammāsambuddho,
Vijjācaraṇasampanno, Sugato, Lokavidū,
Anuttaro Purisadammasārathi,
Satthā devamanussānam, Buddho, Bhagavā.*

*Svākkhāto Bhagavatā Dhammo,
Sandiṭṭhiko, Akāliko, Ehipassiko,
Opaneyyiko, Paccattam veditabbo viññūhi.*

*Suppaṭipanno Bhagavato Sāvakaṣaṃgho,
Ujuppaṭipanno Bhagavato Sāvakaṣaṃgho,
Ñāyappaṭipanno Bhagavato Sāvakaṣaṃgho,
Sāmīcippaṭipanno Bhagavato Sāvakaṣaṃgho,*

Yadidaṃ cattāri purisayugāni, aṭṭha purisapuggalā.

Esa Bhagavato Sāvakaṣaṃgho,

Āhuneyyo, Pāhuneyyo, Dakkhiṇeyyo,

Añjalikaraṇīyo, Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa.

Evaṃ Buddhaṃ sarantānaṃ, dhammaṃ Saṃghaṇca bhikkhavo;

Bhayaṃ vā chambhitattaṃ vā, lomahaṃso na hessati.

Yaṃ dunnimittaṃ avamaṅgalaṇca, yo cāmanāpo sakuṇassa saddo;
Pāpaggaho dussupinaṃ akantaṃ, buddhānubhāvena vināsamentu.

Yaṃ dunnimittaṃ avamaṅgalaṇca, yo cāmanāpo sakuṇassa saddo;
Pāpaggaho dussupinaṃ akantaṃ, dhammānubhāvena vināsamentu.

Yaṃ dunnimittaṃ avamaṅgalaṇca, yo cāmanāpo sakuṇassa saddo;
Pāpaggaho dussupinaṃ akantaṃ, saṃghānubhāvena vināsamentu.

Ettāvatā ca amhehi, sambhataṃ puññasampadaṃ;

Sabbe devānumodantu, sabbasampattisiddhiyā.

Dānaṃ dadantu saddhāya, sīlaṃ rakkhantu sabbadā;

Bhāvanā-bhiratā hontu, gacchantu devatā-gatā.

Sabbe Buddhā balappattā, paccekānaṇca yaṃ balaṃ;

Arahantānaṇca tejena, rakkhaṃ bandhāmi sabbaso.

Bhavatu sabbamaṅgalaṃ, rakkhantu sabbadevatā;

Sabbabuddhā-nubhāvena, sadā sukhī bhavantu te.

Bhavatu sabbamaṅgalaṃ, rakkhantu sabbadevatā;

Sabbadhammā-nubhāvena, sadā sukhī bhavantu te.

Bhavatu sabbamaṅgalaṃ, rakkhantu sabbadevatā;

Sabbasaṃghā-nubhāvena, sadā sukhī bhavantu te.

RĀI TĀM TŪ

Ahaṃ avero homi, abyāpajjo homi, anīgho homi, sukhī attānaṃ pariharāmi.

Sīmattha Devatā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

Amhākaṃ mātāpitu-ācariya-ñātimittā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

Imasmiṃ gāme, imasmiṃ nigame, imasmiṃ nagare: Sabbe sattā, sabbe pāṇā; Sabbe bhūtā, sabbe puggalā, Sabbe attabhāva-pariyāpannā; Sabbā itthiyo, sabbe purisā, Sabbe ariyā, sabbe anariyā; Sabbe devā, sabbe manussā, Sabbe vinipātikā, Averā hontu, abyāpajjā hontu, Anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

Puratthimāya disāya, puratthimāya anudisāya, dakkhiṇāya disāya, dakkhiṇāya anudisāya, pacchimāya disāya, pacchimāya anudisāya, uttarāya disāya, uttarāya anudisāya, heṭṭhimāya disāya, uparimāya disāya; Sabbe sattā, sabbe pāṇā; Sabbe bhūtā, sabbe puggalā, Sabbe attabhāva-pariyāpannā; Sabbā itthiyo, sabbe purisā, Sabbe ariyā, sabbe anariyā; Sabbe devā, sabbe manussā, Sabbe vinipātikā, Averā hontu, abyāpajjā hontu, Anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

NGUYỆN CÚNG DƯỜNG TAM BẢO

Imāya dhammānudhammapaṭipattiyā Buddhamaṃ pūjemi. (Lạy)

Imāya dhammānudhammapaṭipattiyā Dhammaṃ pūjemi. (Lạy)

Imāya dhammānudhammapaṭipattiyā Saṃghamaṃ pūjemi. (Lạy)

Addhā imāya paṭipattiyā jātijarābyādhimaraṇamhā parimuccissāmi.

LỜI PHÁT NGUYỆN

Idamaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu.

Idamaṃ me puññaṃ āsavakkhayāvahamaṃ hotu.

CHIA PHƯỚC, HỒI HƯỚNG

Imamaṃ me puññabhāgaṃ sabbe sattā samaṃ paṭilabhantu.

*Imamaṃ me puññabhāgaṃ mātāpitu-ācariya-ñāti-mittānañceva
sesasabbasattānañca devatānañca ārakkhadevatānañca visesato
guṇavantānañca dema, sabbepi te puññapattiṃ laddhāna “Sādhu!
Sādhu’ti sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbadhā.*

NGUYỆN ƯỚC

Buddhasāsanamaṃ ciraṃ tiṭṭhatu.

(Nguyện Phật giáo trường tồn)

Sādhu! Sādhu! Sādhu! Lành thay!